

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/KDTM-ST  
Ngày: 23-9-2025  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Công và bà Trần Ngọc Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C; Địa chỉ: Tầng I, Cao ốc S, Số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Hiệp P – Nhân viên (theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH C1; trụ sở: 3/17 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vòng Say M, sinh năm 1986 thường trú: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Hiệp P trình bày:

Do Công ty TNHH C1 có nhu cầu sử dụng máy móc, phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên vào các ngày 03/10/2022 và ngày 07/10/2022, hai bên đã lần lượt ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số B220947602 và số B220952701 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH C1 có nhu cầu thuê tài chính là

Máy may công nghiệp và phụ kiện, hiệu: IMS, Model: 326, số lượng 13 theo hợp đồng thuê số B220947602; Ô tô tải (thùng kín) hiệu: KIA, Biển số: 61LD-084.85 theo hợp đồng thuê số B220952701 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà V Say Mùi được lập vào ngày 03/10/2022 và ngày 07/10/2022 và của ông W,X lập ngày 07/10/2022 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê đối với tất cả Hợp đồng thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B220947602, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B220947602-PC ngày 04/10/2022 với Công ty TNHH C2 để mua 13 (mười ba) máy may công nghiệp và phụ kiện, hiệu: IMS, model: 326. Sau đó, Công ty TNHH C1 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản để nhận bàn giao các Tài sản thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B220952701, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B220952701-PC ngày 14/10/2022 với Công ty TNHH MTV Ô (Tải B) để mua 01 (một) ô tô tải (thùng kín), hiệu: KIA, biển số: 61LD-084.85. Sau đó, Công ty TNHH C1 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản để nhận bàn giao Tài sản thuê.

Tổng giá trị của Tài sản thuê, số tiền mà Công ty TNHH C1 trả trước (“Tiền trả trước”), số tiền mà công ty C tài trợ (“Giá trị thuê”) cũng như thời hạn thuê cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng thuê số B220947602 thời hạn thuê 48 tháng, tổng giá trị tài sản thuê 867.672.000 đồng, tiền trả trước 216.918.000 đồng, giá trị thuê 650.754.000 đồng.

Đối với hợp đồng thuê số B220952701 thời hạn thuê 48 tháng, tổng giá trị tài sản thuê 530.600.000 đồng, tiền trả trước 132.650.000 đồng, giá trị thuê 397.950.000 đồng.

Hàng tháng, Công ty TNHH C1 phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH C1 trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH C1 bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH C1 thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH C1 thanh toán.

Theo đơn khởi kiện Công ty C thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C yêu cầu giải quyết vấn đề sau:

1. Yêu cầu Công ty TNHH C1 phải thanh toán cho Công ty C toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên hợp đồng cho thuê tài chính số B220947602 tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 497.686.323 đồng, bao gồm nợ gốc: 406.721.250 đồng; nợ lãi trong hạn: 88.775.708 đồng; nợ lãi chậm thanh toán: 2.189.365 đồng; hợp đồng cho thuê tài chính số B220952701 tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 299.844.497 đồng, bao gồm nợ gốc: 248.718.750 đồng; nợ lãi trong hạn: 49.919.725 đồng; nợ lãi chậm thanh toán: 1.206.022 đồng; Tổng cộng: 797.530.820 đồng

2. Buộc Công ty TNHH C1 thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 31/7/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Trong trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ trên buộc Công ty TNHH C1 giao trả tài sản thuê là: máy may công nghiệp và phụ kiện hiệu IMS, model 326 số lượng 13; ô tô tải (thùng kín) hiệu KIA, biển số 61LD-084.85, số lượng 01 cho Công ty C để xử lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH C1 không giao trả tài sản thuê, buộc bà Vòng Say M, ông W,X có trách nhiệm thanh toán hết số tiền thuê còn nợ cho Công ty C.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu ông W, X phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán thay cho Công ty TNHH C1 và không yêu cầu Công ty TNHH C1 giao trả các tài sản thuê để Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C xử lý thu hồi nợ, chỉ yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc Công ty TNHH C1 thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty TNHH C1 còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 879.953.292 đồng (tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng), tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 24/9/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B220947602 ký ngày 03/10/2022 và số B220952701 ký ngày 07/10/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH C1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ, buộc bà Vòng Say M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH C1 còn nợ.

- Bị đơn Công ty TNHH C1 không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vòng Say M không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ

các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Công ty C (gọi tắt là Công ty C) khởi kiện Công ty TNHH C1 có địa chỉ trụ sở tại 3 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc trả tiền thuê và tiền lãi. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vòng Say M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Công ty C khởi kiện Công ty TNHH C1 phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày tính đến ngày 23/9/2025 là 879.953.292 đồng bao gồm nợ gốc là 655.440.000 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/7/2024 là 138.695.433 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 23/9/2025 là 85.817.859 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vòng Say M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

Theo các tài liệu chứng cứ là hợp đồng cho thuê tài chính số B220947602 ngày 03/10/2022, số B220952701 ngày 12/10/2022, Công ty C đã tiến hành bàn giao và nghiệm thu Tài sản để nhận bàn giao vào ngày 14/10/2022 và ngày 29/10/2022, Công ty TNHH C1 thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thuê hiện còn nợ tiền thuê tính đến ngày 23/9/2025 là 879.953.292 đồng. Việc Công ty TNHH C1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 26 của Hợp đồng thuê nên Công ty TNHH C1 phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Công ty C và phải chịu tiền lãi theo quy định.

Bà Vòng Say M có ký vào thư bảo lãnh cá nhân với nội dung đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH C1 đối với Công ty C trong trường

hợp Công ty TNHH C1 không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán, do đó bà V Say Mùi có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Đối với việc nguyên đơn Công ty C không yêu cầu ông W, X thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong vụ án này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí đăng báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.645.437 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng), Công ty TNHH C1 phải chịu, số tiền này Công ty C đã tạm ứng trước nên Công ty TNHH C1 phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty C số tiền này.

[7]. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH C1 phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; các Điều 91; 92; 144, 147, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 335 và Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 50, Điều 300, 301 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính C về việc Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với bị đơn Công ty TNHH C1.

2. Buộc Công ty TNHH C1 có trách nhiệm trả cho Công ty C số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2025 là 879.953.292 đồng bao gồm nợ gốc là 655.440.000 đồng (sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/7/2024 là 138.695.433 đồng (một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/7/2024 đến ngày 23/9/2025 là 85.817.859 đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm năm mươi chín đồng).

Công ty TNHH C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 31/7/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH C1 không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc bà Vòng Say M thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

3. Về chi phí đăng báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.645.437 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng),

Công ty TNHH C1 phải chịu, số tiền này Công ty C đã tạm ứng trước nên Công ty TNHH C1 phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty C.

4. Về án phí: Công ty TNHH C1 phải chịu 38.398.600 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.950.616 đồng (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002899 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**Vũ Thị Nhâm**